

Số: 458 / QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền
thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ I năm học 2023-2024
(Bổ sung lần 1)**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét hợp đồng thỉnh giảng ký kết giữa giảng viên thỉnh giảng và Học viện Nông nghiệp Việt Nam; theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ I năm học 2023-2024 (bổ sung lần 1) đối với các giảng viên thỉnh giảng theo danh sách đính kèm.

Tổng số tiền thanh toán: **58.805.500** đồng, trong đó:

1. Số tiền giảng dạy đại học, cao đẳng: **52.789.000** đồng.

2. Số tiền giảng dạy sau đại học: **6.016.500** đồng.

Bằng chữ: Năm mươi tám triệu tám trăm lẻ năm ngàn năm trăm đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các giảng viên thỉnh giảng có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, TC(10).



Nguyễn Thị Lan

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG (Bổ sung lần 1)**

(Kèm theo Quyết định số 458 /QĐ-HVN ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Giảng dạy ĐH, CĐ		Giảng dạy SDH		Tổng số		Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
				Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	MG398	Lê Doãn	Phước	373.0	39,165,000			373.0	39,165,000		39,165,000	
2	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	102.7	12,324,000			102.7	12,324,000		12,324,000	
3	MOI68	Trần Thị Lan	Hương			22.8	3,591,000	22.8	3,591,000		3,591,000	
4	HD131	Tô Long	Thành			10.6	1,669,500	10.6	1,669,500		1,669,500	
5	HD204	Trương Quang	Lâm			5.6	756,000	5.6	756,000		756,000	
34	HD295	Hoàng Thị Lệ	Hằng	28.0	1,300,000			28.0	1,300,000		1,300,000	
		Tổng cộng		503.7	52,789,000	39.0	6,016,500	542.7	58,805,500		58,805,500	

Tổng số tiền thanh toán: 58,805,500 đồng

Bằng chữ: Năm mươi tám triệu tám trăm lẻ năm ngàn năm trăm đồng./.



BẢNG CHI TIẾT THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THÌNH GIẢNG (Bổ sung lần 1)

(Kèm theo Quyết định số 458 /QĐ-HVN ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	LT	K65TYA	TY03003	Bệnh nội khoa thú y 2	12.90	120,000	1,548,000				12.90	1,548,000		1,548,000	
2	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	GK	K65TYA	TY03003	Bệnh nội khoa thú y 2	3.80	120,000	456,000				3.80	456,000		456,000	
3	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	CB	K65TYA	TY03003	Bệnh nội khoa thú y 2	9.40	120,000	1,128,000				9.40	1,128,000		1,128,000	
4	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	CB	K65TYC	TY03024	Bệnh do rối loạn dinh dưỡng	1.60	120,000	192,000				1.60	192,000		192,000	
5	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	LT	K65TYE	TY03024	Bệnh do rối loạn dinh dưỡng	12.00	120,000	1,440,000				12.00	1,440,000		1,440,000	
6	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	GK	K65TYE	TY03024	Bệnh do rối loạn dinh dưỡng	0.80	120,000	96,000				0.80	96,000		96,000	
7	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	CB	K65TYE	TY03024	Bệnh do rối loạn dinh dưỡng	1.90	120,000	228,000				1.90	228,000		228,000	
8	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	CB	K66CNTYB	TY03036	Dược và độc chất học thú y	7.30	120,000	876,000				7.30	876,000		876,000	
9	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	CB	K66TYA	TY03049	Chẩn đoán bệnh thú y	12.00	120,000	1,440,000				12.00	1,440,000		1,440,000	
10	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	LT	K66TYB	TY03049	Chẩn đoán bệnh thú y	16.30	120,000	1,956,000				16.30	1,956,000		1,956,000	
11	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	GK	K66TYB	TY03049	Chẩn đoán bệnh thú y	4.80	120,000	576,000				4.80	576,000		576,000	
12	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	CB	K66TYB	TY03049	Chẩn đoán bệnh thú y	11.90	120,000	1,428,000				11.90	1,428,000		1,428,000	
13	MG435	Phạm Ngọc	Thạch	GVCC và TĐ	91/HĐTG-HVN-BVTY	02/10/2023	TH	K66TYH	TY03049	Chẩn đoán bệnh thú y	8.00	120,000	960,000				8.00	960,000		960,000	
14	MOI68	Trần Thị Lan	Hương	GVC và TĐ	93/HĐTG-HVN-TY-VSVTN	01/08/2023	LTCH	CH31TYA	VTN7025	Miễn dịch học thú y nâng cao				20.00	157,500	3,150,000	20.00	3,150,000		3,150,000	
15	MOI68	Trần Thị Lan	Hương	GVC và TĐ	93/HĐTG-HVN-TY-VSVTN	01/08/2023	GKCH	CH31TYA	VTN7025	Miễn dịch học thú y nâng cao				0.80	157,500	126,000	0.80	126,000		126,000	
16	MOI68	Trần Thị Lan	Hương	GVC và TĐ	93/HĐTG-HVN-TY-VSVTN	01/08/2023	CBCH	CH31TYA	VTN7025	Miễn dịch học thú y nâng cao				2.00	157,500	315,000	2.00	315,000		315,000	
17	HD131	Tô Long	Thành	GVC và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY-VSVTN	01/08/2023	LTCH	CH31TYDU	VTN7013	Virus học thú y				10.00	157,500	1,575,000	10.00	1,575,000		1,575,000	
18	HD131	Tô Long	Thành	GVC và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY-VSVTN	01/08/2023	GKCH	CH31TYDU	VTN7013	Virus học thú y				0.20	157,500	31,500	0.20	31,500		31,500	
19	HD131	Tô Long	Thành	GVC và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY-VSVTN	01/08/2023	CBCH	CH31TYDU	VTN7013	Virus học thú y				0.40	157,500	63,000	0.40	63,000		63,000	
20	HD204	Trương Quang	Lâm	GV và TĐ	94/HĐTG-HVN-TY-VSVTN	01/08/2023	LTCH	CH31TYDU	VTN7011	CNSX vaccin & chế phẩm SH				5.00	135,000	675,000	5.00	675,000		675,000	
21	HD204	Trương Quang	Lâm	GV và TĐ	94/HĐTG-HVN-TY-VSVTN	01/08/2023	GKCH	CH31TYDU	VTN7011	CNSX vaccin & chế phẩm SH				0.20	135,000	27,000	0.20	27,000		27,000	
22	HD204	Trương Quang	Lâm	GV và TĐ	94/HĐTG-HVN-TY-VSVTN	01/08/2023	CBCH	CH31TYDU	VTN7011	CNSX vaccin & chế phẩm SH				0.40	135,000	54,000	0.40	54,000		54,000	
23	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TĐ	01/HĐTG-HVN-CNPM	10/08/2023	LT	K66CNPMA	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	30.00	105,000	3,150,000				30.00	3,150,000		3,150,000	

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
24	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	TH	K66CNPMA	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
25	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	GK	K66CNPMA	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	2.30	105,000	241,500				2.30	241,500		241,500	
26	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	CB	K66CNPMA	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	5.60	105,000	588,000				5.60	588,000		588,000	
27	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	LT	K66CNPMB	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	30.00	105,000	3,150,000				30.00	3,150,000		3,150,000	
28	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	TH	K66CNPMB	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
29	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	GK	K66CNPMB	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	1.50	105,000	157,500				1.50	157,500		157,500	
30	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	CB	K66CNPMB	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	3.60	105,000	378,000				3.60	378,000		378,000	
31	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	LT	K66CNPMB	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	30.00	105,000	3,150,000				30.00	3,150,000		3,150,000	
32	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	TH	K66CNPMB	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
33	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	GK	K66CNPMB	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	1.90	105,000	199,500				1.90	199,500		199,500	
34	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	CB	K66CNPMB	TH03110	Phát triển ứng dụng Web 2	4.80	105,000	504,000				4.80	504,000		504,000	
35	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	LT	K67CNPMB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
36	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	TH	K67CNPMB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
37	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	GK	K67CNPMB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2.50	105,000	262,500				2.50	262,500		262,500	
38	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	CB	K67CNPMB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	6.10	105,000	640,500				6.10	640,500		640,500	
39	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	LT	K67CNPMB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
40	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	TH	K67CNPMB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
41	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	GK	K67CNPMB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2.60	105,000	273,000				2.60	273,000		273,000	
42	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	CB	K67CNPMB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	6.40	105,000	672,000				6.40	672,000		672,000	
43	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	TH	K67CNPMB	TH02035	TH cấu trúc DL&giải thuật	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
44	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	CB	K67CNPMB	TH02035	TH cấu trúc DL&giải thuật	5.60	105,000	588,000				5.60	588,000		588,000	
45	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	TH	K67CNPMB	TH02035	TH cấu trúc DL&giải thuật	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
46	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	CB	K67CNPMB	TH02035	TH cấu trúc DL&giải thuật	6.40	105,000	672,000				6.40	672,000		672,000	
47	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	TH	K67CNTTA	TH02035	TH cấu trúc DL&giải thuật	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
48	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	CB	K67CNTTA	TH02035	TH cấu trúc DL&giải thuật	6.30	105,000	661,500				6.30	661,500		661,500	
49	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	TH	K67CNTTC	TH02035	TH cấu trúc DL&giải thuật	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
50	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	CB	K67CNTTC	TH02035	TH cấu trúc DL&giải thuật	5.60	105,000	588,000				5.60	588,000		588,000	
51	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	TH	K67HTTTA	TH02035	TH cấu trúc DL&giải thuật	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
52	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TD	01/HĐTĐ-HVN-CNPM	10/08/2023	CB	K67HTTTA	TH02035	TH cấu trúc DL&giải thuật	6.30	105,000	661,500				6.30	661,500		661,500	



STT	Mã GV	Họ tên	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
53	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TĐ	01/HĐTG-HVN-CNPM	10/08/2023	LT	K67HTTTB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
54	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TĐ	01/HĐTG-HVN-CNPM	10/08/2023	TH	K67HTTTB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	15.00	105,000	1,575,000				15.00	1,575,000		1,575,000	
55	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TĐ	01/HĐTG-HVN-CNPM	10/08/2023	GK	K67HTTTB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	1.60	105,000	168,000				1.60	168,000		168,000	
56	MG398	Lê Doãn	Phước	GV và TĐ	01/HĐTG-HVN-CNPM	10/08/2023	CB	K67HTTTB	TH03107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3.90	105,000	409,500				3.90	409,500		409,500	
57	HD295	Hoàng Thị Lệ	Hằng		61/HĐTG-HVN-CNTP	30/08/2023	TN	K65CNTPE	HD_DH_1	Nguyễn Thị Yến Hoa (HD 1 đại học)	14.00	650,000	650,000				14.00	650,000		650,000	Bổ sung hướng dẫn
58	HD295	Hoàng Thị Lệ	Hằng		61/HĐTG-HVN-CNTP	30/08/2023	TN	K65CNTPE	HD_DH_1	(HD 1 đại học)	14.00	650,000	650,000				14.00	650,000		650,000	Bổ sung hướng dẫn
		Tổng cộng									503.70		52,789,000	39.00		6,016,500	542.70	58,805,500		58,805,500	

Tổng số tiền thanh toán: 58,805,500 đồng
Bằng chữ: Năm mươi tám triệu tám trăm lẻ năm ngàn năm trăm đồng./.